

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Y TẾ HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Y TẾ HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI HEALTHCARE INVESTMENT
CORPORATON STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HHL.,CORP

2. Mã số doanh nghiệp: 0108032504

3. Ngày thành lập: 23/10/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 5 Ngõ 97 Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Điện thoại: 0969805005

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá	8610(Chính)
2.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
3.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
4.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
5.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
6.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
7.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
8.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
9.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
10.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
11.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
12.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
13.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
14.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
15.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
16.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

17.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
18.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
19.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
20.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
21.	Hoạt động y tế dự phòng	8691
22.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
23.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
24.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
25.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
26.	Lập trình máy vi tính	6201
27.	Quảng cáo	7310
28.	Cho thuê xe có động cơ	7710
29.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
30.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
31.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
32.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
33.	Xuất bản phần mềm	5820
34.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
35.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
36.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
37.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
38.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
39.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
40.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
41.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
42.	Xây dựng nhà các loại	4100
43.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
44.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
45.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
46.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
47.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
48.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
49.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác	8790
50.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

51.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510
52.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
53.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
54.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
55.	Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người bị thiếu năng, tâm thần và người nghiện	8720
56.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
57.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
58.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
59.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
60.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
61.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
62.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
63.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
64.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
65.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
66.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
67.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
68.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
69.	Tái chế phế liệu	3830
70.	Bán buôn gạo	4631
71.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
72.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
73.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
74.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
75.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
76.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
77.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
78.	Bán buôn tổng hợp	4690
79.	Cơ sở lưu trú khác	5590
80.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
81.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
82.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
83.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
84.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210

85.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
86.	Phá dỡ	4311
87.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
88.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
89.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
90.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
91.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
92.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
93.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
94.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
95.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
96.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
97.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
98.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
99.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
100.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
101.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
102.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
103.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
104.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
105.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
106.	Thu gom rác thải độc hại	3812
107.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
108.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
109.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
110.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
111.	Bán buôn thực phẩm	4632
112.	Bán buôn đồ uống	4633
113.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
114.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
115.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
116.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

6. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ

Một trăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ ĐỨC THÀNH	Số 5, ngóc 97 Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.452.000	64.520.000.000	64,520	019082000290	
			Tổng số	6.452.000	64.520.000.000	64,520		
2	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	Thôn Phù Lặc, Xã Cao Viên, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.774.000	17.740.000.000	17,740	112246948	
			Tổng số	1.774.000	17.740.000.000	17,740		
3	TRẦN THỊ MINH TRƯỜNG	305E4 Ciputra, đường Võ Chí Công, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.774.000	17.740.000.000	17,740	045153000001	
			Tổng số	1.774.000	17.740.000.000	17,740		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ ĐỨC THÀNH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: *01/01/1982*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *019082000290*

Ngày cấp: *10/04/2017*

Nơi cấp: *Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 5 Ngõ 97 Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 5 Ngõ 97 Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội